

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Tên chương trình : Tài chính - Ngân hàng

Trình độ đào tạo : Cao đẳng

Ngành đào tạo : Tài chính - Ngân hàng

Tên tiếng Anh : Finance - Banking

Loại hình đào tạo : Chính quy – hệ tín chỉ

Mã ngành : 51340201

(Ban hành theo Quyết định số 19...../QĐ-ĐT, ngày 15 tháng 07 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Về chuyên môn nghiệp vụ

Đào tạo sinh viên tốt nghiệp có trình độ cao đẳng ngành tài chính ngân hàng đủ kiến thức cơ bản, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức chính trị, sức khỏe để có thể làm công việc về quản lý tài chính tại các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất – kinh doanh dịch vụ thuộc mọi thành phần kinh tế, và đảm nhận các công việc được giao trong lĩnh vực ngân hàng, các cơ quan bảo hiểm, công ty chứng khoán, các tổ chức tín dụng, và các định chế tài chính với nhiệm vụ của người quản lý tài chính, đồng thời có khả năng tự nghiên cứu để phát triển trình độ chuyên môn cao hơn.

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học (Microsoft word, Excel, Powerpoint, phần mềm ứng dụng Eviews trong phân tích và quản lý tài chính doanh nghiệp), đặc biệt là các phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Đồng thời sinh viên có khả năng sử dụng Tiếng Anh lưu loát cả bốn kỹ năng và có năng lực giao tiếp Tiếng Anh tốt trong các công ty đa quốc gia hoặc các ngân hàng thương mại nước ngoài (Đạt chuẩn TOEIC 450).

1.2. Về vị trí làm việc

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng có khả năng làm việc tại các ngân hàng thương mại, đảm nhận tốt công việc trong lĩnh vực ngân hàng, các doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ, công ty chứng khoán, các tổ chức tín dụng và các định chế tài chính trong và ngoài nước.

Ngoài ra, sinh viên cũng có khả năng làm công tác quản lý tài chính và hoạch định chính sách tài chính tại các Tổng công ty và các công ty trực thuộc, doanh nghiệp sản xuất, thương mại – dịch vụ và các công ty đa quốc gia.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC: 115 tín chỉ (không kể Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

6.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 34 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

6.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	001231	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	75		
2	000565	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	45		001840(a)
3	001840	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		001231(a)
		Tổng	10	150		

6.1.2. Khoa học xã hội

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	032003	Quản trị học	3	45		
5	001294	Pháp luật đại cương	2	30		
		Tổng	5	75		

6.1.3. Nhân văn – nghệ thuật

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
6	000851	Kỹ năng giao tiếp	2	30		
		Tổng	2	30		

6.1.4. Ngoại ngữ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
7	000047	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
8	000048	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	000047(a)
9	001795	TOEIC 1	3	30	30	000048(a)
10	001796	TOEIC 2	3	30	30	001795(b)
		Tổng	12	120	120	

6.1.5. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
11	001789	Toán cao cấp C1	3	45		
12	001760	Tin học văn phòng – Thực hành	2		60	
		Tổng	5	45	60	

6.1.6. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
13	000592	Giáo dục thể chất 1	1		30	
14	000593	Giáo dục thể chất 2	1		30	
15	000594	Giáo dục thể chất 3	1		30	
		Tổng	3		90	

6.1.7. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
16	000585	Giáo dục quốc phòng	9	117	18	
		Tổng	9	117	18	

6.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 83 tín chỉ**6.2.1. Kiến thức cơ sở: 37 tín chỉ**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
17	001619	Thống kê ứng dụng trong tài chính	3	30	30	032017(a)
18	001189	Nguyên lý kế toán	3	45		
19	001699	Thuế	3	45		001189(a)
20	000043	Anh văn chuyên ngành TC-NH 1	3	30	30	000048(a)
21	032017	Tài chính doanh nghiệp 1	4	60		
22	000840	Kinh tế vi mô	3	45		
23	001048	Marketing căn bản	3	45		
24	001468	Tài chính – Tiền tệ 1	3	45		000840(a)
25	001563	Thị trường tài chính	3	45		001468(a)
26	001367	Quản trị danh mục đầu tư	3	45		032017(a)
27	001476	Tài chính quốc tế	3	45		001468(a)
28	000833	Kinh tế lượng ứng dụng	3	45		001619(a)
		Tổng	37	525	60	

6.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 35 tín chỉ**6.2.2.1. Học phần bắt buộc**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
29	032018	Tài chính doanh nghiệp 2	4	60		032017(a)
30	000700	Kế toán ngân hàng	4	60		001189(a) 032019(b)
31	001269	Phân tích báo cáo tài chính	3	45		032017(a)
32	032019	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	45		001468(a)
33	001138	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối	3	45		001468(a)
34	001142	Nghiệp vụ ngân hàng quốc tế	3	45		001468(a)

35	000708	Kế toán tài chính phần 1	4	60		032017(a)
36	001397	QT tài sản và nợ trong kinh doanh NH	3	45		001138(a) 001142(a) 032019(a)
37	001078	Ngân hàng mô phỏng 1 (Teller)	3		90	
38	001079	Ngân hàng mô phỏng 2 (Loan – CSR)	2		60	
39		Học phần tự chọn	3	45		
		Tổng	35	450	150	

6.2.2.2. Học phần tự chọn

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
40	000806	Kiểm toán ngân hàng	3	45		000700(a)
41	001395	Quản trị tài chính quốc tế	3	45		032017(a)
42	001349	Quản lý quỹ đầu tư	3	45		001367(a)
43	000706	Kế toán quản trị	3	45		000708(a)

6.2.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 9 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
44	001670	Thực tập cuối khóa cao đẳng _TCNH	4		120	
45	000782	Khóa luận tốt nghiệp cao đẳng _TCNH	5			
		Tổng	9		120	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c): học phần song hành.

7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN)

Lưu ý: Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
Học kỳ 1							
Học phần bắt buộc				17	225	60	
1	000840	Kinh tế vi mô	0201000840	3	45	0	
2	000851	Kỹ năng giao tiếp	0201000851	2	30	0	
3	001231	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	0201001231	5	75	0	
4	001294	Pháp luật đại cương	0201001294	2	30	0	
5	001760	Tin học văn phòng - Thực hành	0201001760	2	0	60	
6	001789	Toán cao cấp C1	0201001789	3	45	0	
Học kỳ 2							
Học phần bắt buộc				17	240	30	
1	000047	Anh văn giao tiếp 1	0201000047	3	30	30	
2	001189	Nguyên lý kế toán	0201001189	3	45	0	
3	001468	Tài chính - Tiền tệ 1	0201001468	3	45	0	000840(a)
4	001840	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0201001840	2	30	0	001231(a)
5	032003	Quản trị học	0201032003	3	45	0	
6	032005	Marketing căn bản	0201032005	3	45	0	
Học kỳ 3							
Học phần bắt buộc				16	210	60	
1	000048	Anh văn giao tiếp 2	0201000048	3	30	30	000047(a)
2	000565	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0201000565	3	45	0	001840(a)
3	001619	Thông kê ứng dụng trong tài chính	0201001619	3	30	30	
4	001699	Thuế	0201001699	3	45	0	001189(a)
5	032017	Tài chính doanh nghiệp 1	0201032017	4	60	0	
Học kỳ 4							
Học phần bắt buộc				16	225	30	
1	000708	Kế toán tài chính 1	0201000708	4	60	0	032017(a)
2	000833	Kinh tế lượng ứng dụng	0201000833	3	45	0	001619(a)
3	001563	Thị trường tài chính	0201001563	3	45	0	001468(a)
4	001795	TOEIC 1	0201001795	3	30	30	
5	032019	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	0201032019	3	45	0	
Học kỳ 5							
Học phần bắt buộc				17	240	30	
1	000700	Kế toán ngân hàng	0201000700	4	60	0	001189(a)
2	001269	Phân tích báo cáo tài chính	0201001269	3	45	0	
3	001476	Tài chính quốc tế	0201001476	3	45	0	
4	001796	TOEIC 2	0201001796	3	30	30	001795(b)
5	032018	Tài chính doanh nghiệp 2	0201032018	4	60	0	032017(a)

Học kỳ 6							
Học phần bắt buộc				17	165	180	
1	000043	Anh văn chuyên ngành tài chính - ngân hàng 1	0201000043	3	30	30	000048(a)
2	001078	Ngân hàng mô phỏng (loan CRS)	0201001078	2	0	60	
3	001079	Ngân hàng mô phỏng (Teller)	0201001079	3	0	90	
4	001138	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối	0201001138	3	45	0	001468(a)
5	001142	Nghiệp vụ ngân hàng quốc tế	0201001142	3	45	0	001468(a)
6	001367	Quản trị danh mục đầu tư	0201001367	3	45	0	032017(a)
Học kỳ 7							
Học phần bắt buộc				12	45	120	
1	000782	Khóa luận tốt nghiệp cao đẳng - Tài chính ngân hàng	0201000782	5	0	0	
2	001397	Quản trị tài sản và nợ trong kinh doanh ngân hàng	0201001397	3	45	0	001138(a) 001142(a) 032019(a)
3	001670	Thực tập cuối khóa cao đẳng - Tài chính Ngân hàng	0201001670	4	0	120	
Học phần tự chọn				3	45	0	
1	000706	Kế toán quản trị	0201000706	3	45	0	
2	000806	Kiểm toán ngân hàng	0201000806	3	45	0	
3	001349	Quản lý quỹ đầu tư	0201001349	3	45	0	001367(a)
4	001395	Quản trị tài chính quốc tế	0201001395	3	45	0	

8. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Tích lũy đủ 115 tín chỉ khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp của Chương trình và thỏa các điều kiện theo Điều 27 Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT

9. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

001231 Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 19/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 8/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức và phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển quá trình dạy thành quá trình tự học sinh viên, ứng dụng các phương tiện hỗ trợ và công nghệ thông tin như Quyết định số 11381/BGDĐT-ĐH&SĐH về việc hướng dẫn giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

000565 Đường lối các mạng của ĐCS Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê nin)

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 47/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 22/10/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức và phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển quá trình dạy thành quá trình tự học sinh viên, ứng dụng các phương tiện hỗ trợ và công nghệ thông tin như Quyết định số 11381/BGDĐT-ĐH&SĐH về việc hướng dẫn giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

001840 Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đường lối CM của Đảng Cộng Sản Việt Nam)

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 31/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức và phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển quá trình dạy thành quá trình tự học sinh viên, ứng dụng các phương tiện hỗ trợ và công nghệ thông tin như Quyết định số 11381/BGDĐT-ĐH&SDH về việc hướng dẫn giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

032003 Quản trị học: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị và vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất, vai trò, chức năng của nhà quản trị, môi trường quản trị, quá trình phát triển của các học thuyết quản trị. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin, ra quyết định, quản trị đổi mới, quản trị rủi ro và cơ hội.

001294 Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản như: quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; địa vị pháp lý của các doanh nghiệp; hành vi, phương thức thực hiện và các chế tài với hành vi kinh doanh; quy định về sử dụng lao động trong kinh doanh; các quy định về hợp đồng kinh tế, tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp kinh tế trong hoạt động kinh doanh, phá sản doanh nghiệp.

000851 Kỹ năng giao tiếp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên về các vấn đề khái quát trong giao tiếp kinh doanh, các kỹ năng giao tiếp bằng lời và không dùng lời, giao tiếp kinh doanh qua điện thoại, giao tiếp kinh doanh trực tiếp, quy trình giao tiếp, cách thức nghiên cứu để hình thành thông điệp, cách thức thông đạt, sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong giao tiếp kinh doanh, cách thức chuẩn bị, viết báo cáo và trình bày báo cáo kinh doanh, cách thức chuẩn bị các buổi phỏng vấn trong kinh doanh.

000047 Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: Anh văn THPT

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu thuận lợi những bài học ở cấp độ cao hơn.

000048 Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh, làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu thuận lợi kiến thức tiếng anh chuyên ngành tài chính ngân hàng.

001795 TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm

nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu những bài học ở cấp độ cao hơn.

001796 TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (TOEIC 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu những bài học ở cấp độ cao hơn.

001789 Toán cao cấp C1: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về giải tích toán học như: Hàm số, ma trận, vi phân, tích phân (tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng) để có đủ kiến thức tiếp thu các kiến thức cơ sở và chuyên môn, đồng thời rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy lô-gíc, phương pháp phân tích định lượng các vấn đề kinh tế để ứng dụng khi học các học phần nâng cao.

000592 Giáo dục thể chất 1: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000593 Giáo dục thể chất 2: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000594 Giáo dục thể chất 3: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000585 Giáo dục quốc phòng: 135 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

001760 Tin học văn phòng – Thực hành: 2 (0, 60,30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần trang bị cho học sinh các kiến thức cơ bản nhất về máy tính và các kỹ năng tối thiểu để sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cứng ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm văn phòng ở mức tối thiểu.

001189 Nguyên lý kế toán: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nguyên lý kế toán là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động chủ yếu của một đơn vị cụ thể. Giúp cho học sinh có kiến thức tổng quát

về công việc kế toán và nền tảng để học tiếp tục các học phần cao hơn như: kế toán tài chính doanh nghiệp, kế toán quản trị.

000840 Kinh tế vi mô: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần kinh tế vi mô trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về kinh tế, giúp cho học sinh có thể hiểu biết và nắm bắt các quy luật kinh tế trên thị trường.

001048 Marketing căn bản: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Việc am hiểu marketing không những có lợi cho các doanh nghiệp mà còn có lợi cho cả người tiêu dùng. Người tiêu dùng am hiểu marketing sẽ có cách ứng xử khôn ngoan và đúng đắn hơn khi mua hàng. Việc nắm vững, phân tích và đánh giá đúng được thị trường cung cầu sẽ giúp cho các doanh nghiệp thành công trên thương trường.

032018 Tài chính doanh nghiệp 2: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tài chính doanh nghiệp 1)

Nội dung: Trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp để làm cơ sở tiếp thu kiến thức của các môn học kế toán chuyên ngành và có thể vận dụng tốt vào công việc thực tế khi ra trường.

000708 Kế toán tài chính 1: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tài chính doanh nghiệp 1)

Nội dung: Trang bị những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán tài chính doanh nghiệp. Kết thúc học phần này học sinh có khả năng vận dụng thành thạo nghiệp vụ: Kế toán tài sản, kế toán nguồn vốn, kế toán thu nhập chi phí, hạch toán lợi nhuận kinh doanh và các nội dung đã giới thiệu trong học phần.

001468 Tài chính – Tiền tệ 1: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kinh tế vi mô)

Nội dung: Học phần trang bị cho học sinh những kiến thức căn bản về tiền tệ - tín dụng làm nền tảng cho việc nghiên cứu các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành và bổ trợ chuyên ngành. Nội dung môn học bao gồm cung cầu tiền tệ, mối quan hệ giữa cung cầu tiền tệ và lạm phát. Đặc biệt môn học tập trung phân tích các công cụ và chính sách tiền tệ trong nền kinh tế mở.

032017 Tài chính doanh nghiệp 1: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học nhằm trang bị cho học sinh cách tiếp cận kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp như: thời giá tiền tệ và chiết khấu dòng tiền; lợi nhuận, rủi ro và mô hình định giá tài sản vốn; chi phí vốn, huy động vốn cổ phần, các lý thuyết về cấu trúc vốn của doanh nghiệp; và quản lý vốn lưu động.

001143 Nghiệp vụ ngân hàng thương mại: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tài chính – tiền tệ 1)

Nội dung: thực hành các nghiệp vụ tín dụng ngân hàng, bao gồm: nghiệp vụ thẩm định tín dụng, nghiệp vụ cho vay (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn), tài trợ xuất nhập khẩu, cho vay tiêu dùng, cho vay hộ sản xuất, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng, ...

001476 Tài chính quốc tế: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tài chính – tiền tệ 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về tài chính quốc tế như tỷ giá hối đoái, cân cán thanh toán quốc tế, các học thuyết về tỷ giá hối đoái như học thuyết ngang giá lãi suất, học thuyết ngang giá sức mua.

001699 Thuế: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý kế toán)

Nội dung: Học phần này bao gồm những vấn đề cơ bản về thuế và các chính sách thuế của Nhà nước liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, của công ty, của tổ chức kinh tế và dân cư. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu các sắc thuế hiện hành, làm rõ đặc điểm cơ bản của từng loại thuế, phương pháp tính thuế và các thủ tục cần thiết kê khai và nộp thuế cho Nhà nước.

001619 Thống kê ứng dụng trong tài chính: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tài chính doanh nghiệp 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về lý thuyết thống kê để phục vụ cho quá trình nghiên cứu, quan sát thực nghiệm, và là điều kiện tiên quyết cho học phần kinh tế lượng ứng dụng trong tài chính.

000043 Anh văn chuyên ngành TC-NH 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên các khái niệm và các thuật ngữ chuyên ngành ngân hàng bằng tiếng Anh. Ngoài ra học phần còn rèn luyện cho người học các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ứng dụng trong môi trường tài chính – ngân hàng, cũng như cung cấp cho sinh viên cách định khoản và cách lập các báo cáo tài chính bằng tiếng Anh.

001563 Thị trường tài chính: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tài chính – tiền tệ 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên các lý luận liên quan đến nguồn gốc hình thành, phân loại thị trường tài chính,... Nội dung của môn học này là nghiên cứu vào thị trường tài chính, cấu trúc của thị trường tài chính, sự vận hành của thị trường tài chính,... Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được tình hình hoạt động của thị trường tài chính ở Việt Nam.

000833 Kinh tế lượng ứng dụng: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Thống kê ứng dụng trong tài chính)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phân tích dữ liệu và sử dụng các mô hình dự báo tài chính. Học phần cũng giúp sinh viên tiếp cận với việc sử dụng các phần mềm kinh tế lượng như Eviews, Stata,... Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng ứng dụng các mô hình để kiểm tra lý thuyết tài chính và dự báo rủi ro và tỷ suất lợi nhuận trong đầu tư tài chính; ứng dụng các mô hình hồi quy đa biến và các mô hình chuỗi thời gian đơn và đa biến; và kỹ thuật phân tích định lượng và dự báo rủi ro bằng cách sử dụng các mô hình ARCH, GARCH,

000700 Kế toán ngân hàng: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý kế toán); học phần tiên quyết (Nghị vụ ngân hàng thương mại)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế của các ngân hàng thương mại dựa trên cơ sở Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật các tổ chức tín dụng; Các văn bản pháp quy của Nhà nước và ngành ngân

hàng liên quan đến các chính sách tiền tệ, tín dụng, thanh toán và ngân hàng, các quy định trong Pháp lệnh kế toán và thống kê của nước CHXHCN Việt Nam, đặc biệt dựa vào cơ chế tài chính và chuẩn mực kế toán ngân hàng hiện hành.

001269 Phân tích báo cáo tài chính: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tài chính doanh nghiệp 1)

Nội dung: Môn học nhằm trang bị những kiến thức, các chỉ tiêu cơ bản để phân tích tài chính của các doanh nghiệp kể cả doanh nghiệp tài chính và doanh nghiệp phi tài chính. Sau khi học xong chương trình người học sẽ có đầy đủ kiến thức để đọc được các chỉ tiêu tài chính trong bảng tổng kết tài sản và bảng cân đối kế toán trên cơ sở đó phân tích chuyên sâu, từ đó có định hướng trong đầu tư hoặc kinh doanh.

001138 Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tài chính – tiền tệ 1)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngoại hối, các giao dịch ngoại hối, quản trị rủi ro ngoại hối, và các nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro ngoại hối. Đây là học phần tiên quyết cho học phần thanh toán quốc tế.

001397 Quản trị tài sản và nợ trong kinh doanh ngân hàng: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối; Nghiệp vụ ngân hàng quốc tế; Nghiệp vụ ngân hàng thương mại)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao về lượng hóa rủi ro và quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại. Học phần này cung cấp kiến thức chuyên sâu về định lượng rủi ro lãi suất, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro ngoại hối, rủi ro tài sản ngoại bảng, để từ đó xây dựng các chiến lược để phòng ngừa rủi ro.

001078 Ngân hàng mô phỏng 1: 3 (0, 90, 45)

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, những nội dung chủ yếu về Ngân hàng. Được trao tay các kỹ năng thực hành của nghiệp vụ ngân hàng hiện đại nhất về thực hành kế toán ngân hàng, tiếp thu những kiến thức nghiệp vụ của ngân hàng hiện đại qua hình thức mô phỏng.

001079 Ngân hàng mô phỏng 2: 2 (0, 60, 30)

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, những nội dung chủ yếu về Ngân hàng. Được trao tay các kỹ năng thực hành của nghiệp vụ ngân hàng hiện đại nhất về thực hành tín dụng ngân hàng, tiếp thu những kiến thức nghiệp vụ của ngân hàng hiện đại qua hình thức mô phỏng.

001670 Thực tập cuối khóa cao đẳng_Tài chính ngân hàng: 4 (0,120)

000782 Khóa luận tốt nghiệp cao đẳng_Tài chính ngân hàng: 5

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐT

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Ái Cẩm

ThS. Nguyễn Lan Phương

PGTS Phan Thi Cuc

